BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1662/ĐHYHN-ĐTĐH
V/v kế hoạch giảng dạy đại học năm học 2024-2025

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2024

Kính gửi:

- Viện đào tạo Răng Hàm Mặt;
- Viện đào tạo YHDP và YTCC;
- Phân hiệu Thanh Hoá;
- Các Khoa, Bộ môn, Module và các Phòng, Ban trong Trường.

Năm học 2024-2025 Trường Đại học Y Hà Nội thực hiện đồng thời các chương trình đào tạo trình độ đại học sau:

1. Hệ bác sỹ từ Y1 đến Y6 bao gồm: Y khoa; Răng Hàm Mặt; Y học cổ truyền, BS Y học dự phòng.
2. Hệ cử nhân từ Y1 đến Y4 bao gồm: Điều dưỡng; Y tế công cộng; Xét nghiệm y học; Dinh dưỡng; Khúc xạ nhãn khoa; Kỹ thuật phục hồi chức năng (năm thứ 2 đào tạo). Hệ cử nhân Hộ sinh; Tâm lý học; Kỹ thuật phục hình răng (năm đầu tiên đào tạo).
3. Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ cao đẳng hệ VLVH (khoá 22; 23A; 23B).
4. Cử nhân Xét nghiệm y học liên thông từ cao đẳng hệ VLVH (khoá 4; 5A; 5B).
5. Văn bằng 2 Bác sỹ Y học dự phòng (khóa 9).

Do đặc điểm thực hiện nhiều chương trình đào tạo cũng như thực hiện việc đổi mới chương trình đào tạo (hệ bác sỹ Y khoa, bác sỹ Răng Hàm Mặt và cử nhân Điều dưỡng), Ban Giám hiệu gửi tới các Viện, Khoa, Bộ môn, Module và phòng ban kế hoạch giảng dạy đại học của Trường để xây dựng kế hoạch năm học cho đơn vị mình. Trong quá trình thực hiện nếu có nội dung cần điều chỉnh bổ sung đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Phòng Quản lý Đào tạo Đại học để tập hợp báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và điều chỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Kim Bảo Giang

MỤC LỤC

Trang

Kế hoạch khái quát năm học

Phần 1. Trường quản lý và điều phối

1 Khối Y1 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Hộ sinh) 01-05

2 Khối Y2 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa, Kỹ thuật phục hồi chức năng) 06-10

3 Khối Y3 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa) 11-14

4 Khối Y4 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa) 15-19

5 Khối Y5 Hệ BS (Y khoa, YHCT) 20-21

6 Khối Y6 Hệ BS (Y khoa, YHCT) 22-23

7 Cử nhân Điều dưỡng CTTT (từ khoa 10 đến khoá 14) 24-28

8 Cử nhân điều dưỡng liên thông từ khóa 22 đến khoá 23B 29-31

9 Cử nhân xét nghiệm y học liên thông từ khoá 4 đến khoá 5B 32-34

Phần 2. Viện Đào tạo YHDP & YTCC quản lý và điều phối

1 Bác sĩ YHDP từ Y1 đến Y6 35-50

2 Cử nhân YTCC từ Y1 đến Y4 41-44

3 Cử nhân Dinh dưỡng từ Y1 đến Y4 45-48

4 Bác sĩ YHDP văn bằng 2 (khóa 9) 49

5 Cử nhân Tâm lý học 50

Phần 3. Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt quản lý và điều phối

1 Bác sỹ Răng Hàm Mặt từ Y1 đến Y6 51-56

2 Cử nhân Kỹ thuật phục hình răng 57

Phần 4. Phân hiệu Thanh Hóa quản lý và điều phối

1 Bác sĩ Y khoa từ Y1 đến Y6 58-63

2 Cử nhân điều dưỡng từ Y1 đến Y4 64-67

3 Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng 68

4 Cử nhân Xét nghiệm y học 69

KẾ HOẠCH KHÁI QUÁT NĂM HỌC 2024-2025

1. Phân bố quỹ thời gian:

Tổng số thời gian: 52 tuần (từ 12/8/2024 đến 10/8/2025)

- Sinh hoạt đầu khoá, đầu năm học	01 tuần
- Nghỉ tết nguyên đán	02 tuần
- Dự trữ, nghỉ lễ	01 tuần
- Nghỉ hè	06 tuần
- Học	42 tuần

2. Thời gian (dự kiến) và một số việc cần lưu ý

- Các khối sinh viên tựu trường và sinh hoạt đầu năm học từ 12-18/8/2024.
- Học kỳ I có 21 tuần: Từ 12/8/2024 đến 12/01/2025.
- Học kỳ II có 22 tuần: Từ 13/01/2025 đến 29/6/2025 (tính cả tuần dự trữ).
- Khai giảng năm học mới: 05 tháng 9 năm 2024.
- Nghỉ tết nguyên đán: 02 tuần (từ 27/01/2025 đến 09/02/2025)
- Tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025: tháng 7÷8 năm 2025.
- Thi tốt nghiệp: Bác sỹ y khoa và cử nhân y khoa và Cử nhân liên thông: Kế hoạch và lịch cụ thể trong từng chương trình đào tạo kèm theo.
- Xây dựng kế hoạch năm học 2025-2026 và gửi tới các bộ môn trong tháng 7/2025.
- Nghỉ hè: Từ 30/6/2025 đến 10/8/2025.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÒNG QLĐTĐH

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
Năm học 2024 - 2025

6 tuần

THÁNG	8/2024			9				10					11				12					01/2024					02				3				4				5					6				7					8
Từ ngày	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10	17	24	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	7	14	21	28	4
đến ngày	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	2	9	16	23	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10
Tuần thứ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52

SINH HOẠT ĐẦU NĂM HỌC

học kỳ 1

Nghỉ 2 ngày (02/9)

Nghỉ thứ 4 (Tết dương lịch)

NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 29/01

học kỳ 2 + 1 tuần dự trữ

Nghỉ ngày thứ 2: Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 AL

Nghỉ thứ 4+5 (30/4/và 01/5)

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 | 1 2 | 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 Số lượng SV dự kiến: 400

1.1. Số lớp học tập: 4

1.2. Số tổ học tập: 16

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	9/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
2	PHYE01PI	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	S1.1	Module S1.1 - Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		-CTSV + KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT -Đoàn Thanh niên		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
5	S1.2	Module S1.2 - Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
6	S1.3	Module S1.3 - Mô học và Phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh truyền - Di truyền		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
7	S1.4	Module S1.4 - Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và ứng dụng trong y học		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình ảnh - Y học hạt nhân	10/02/2025 - 06/7/2025	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5 - Đại cương về hình thái và chức năng cơ thể người		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh - MD		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6 - Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu - Y học hạt nhân - Khoa YHCT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7 - Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi liên quan đến sức khỏe		2,5/1,5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	**16,5/6,5**	**13,5/4**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

1 **Số lượng SV dự kiến:** 80

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6907/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	9/9/2024-22/9/2024	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	23/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
4	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
5	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số	10/2/2025 - 29/6/2025	lý thuyết: 15tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học		2/1	BM Y vật lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	CHEM00	Hóa học		2,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	GENB01	Sinh học		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
12	INFO04	Tin học cơ bản		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
13	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
14	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**14/5,5**	**14,5/3,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

1 **Số lượng SV dự kiến:** 80

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6908/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân KT Xét nghiệm y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	9/9/2024-22/9/2024	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	23/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	LABO00	An toàn phòng xét nghiệm	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	LABB00	Xét nghiệm cơ bản	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
8	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
9	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học	10/02/2025 - 29/6/2025	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
10	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
11	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 18tiết
14	HIEM00	Mô học		1/1	BM Mô phôi		lý thuyết: 14tiết/ thực hành: 20tiết
15	INFO00	Tin học cơ bản		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**19,5/7**	**11/6**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

1 **Số lượng SV dự kiến:** 70

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6909/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ nhãn khoa

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	9/9/2024-22/9/2024	2tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	23/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	OPTI00	Nhập môn KXNK	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
7	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
8	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học	10/02/2025 - 29/6/2025	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
9	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
14	HIEM00	Mô học		1/1	BM Mô phôi		lý thuyết: 32tiết
15	INFO04	Tin học cơ bản		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	NURB00	Điều dưỡng cơ bản		1/1	Khoa Điều dưỡng - HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**17,5/5**	**12,5/6,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

1 **Số lượng SV dự kiến:** 50

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 753/QĐ-ĐHYHN ngày 22/3/2023 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	9/9/2024-22/9/2024	02 tuần
2	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	23/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết: 93tiết/ thực hành: 72tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	INFO04	Tin học cơ bản	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Tiếng Anh I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
7	GENB01	Y Sinh học – Di truyền	1/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 16tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5		BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
9	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học	10/02/2025 - 29/6/2025	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
10	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	BIOC00	Hóa sinh		1/1	BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
14	LANG02	Tiếng Anh II		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
15	NURA00	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1	Khoa Điều dưỡng-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
17	STAP01	Xác suất thống kê y học		2/0	BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**17,5/5,5**	**13,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - CỬ NHÂN HỘ SINH

1 **Số lượng SV dự kiến:** 50

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 187/QĐ-ĐHYHN ngày 24/01/2024 về việc ban hành Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo ngành Hộ sinh trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Định hướng và sinh hoạt đầu khóa			-CTSV&KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT + TV -Đoàn TN + CNTT	9/9/2024-22/9/2024	2tuần
2	HSC-1	Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4/0/0		- Khoa ĐD - HS - Viện YHDP&YTCC	23/9/2024 - 26/01/2025	lý thuyết 60 tiết
3	HSC-2.1	Nguyên tử, phân tử, tế bào	3/1/0		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - DT		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 30 tiết
4	HSC-2.2	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của hoạt động sống	4,5/0,5/0		- Y vật lý - Giải phẫu - Sinh lý học - SLB-Miễn dịch - Mô phôi		lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 15 tiết
5	HSC-2.3	Một số vấn đề cơ sở	1,5/0,5/0		- Khoa ĐD - HS - Vi sinh - Ký sinh trùng		lý thuyết 22 tiết/ thực hành 15 tiết
6	BSC-13.1	Giáo dục thể chất 1,2	0/2/0		BM Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
7	BSC-14.1	Triết học Mác -Lê nin	3/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
8	HSC-4.1	Giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh		4/1/0	- Khoa Đ D - HS - Y đức và TLYH	10/02/2025 - 29/6/2025	lý thuyết 60 tiết/ thực hành 30 tiết
9	HSC-4.2	Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 1		2/2/1	- Khoa Đ D - HS - Sinh lý học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10	HSC-4.3	Đại cương trong chăm sóc hộ sinh 2		2/1,5/1,5	- Khoa Đ D - HS - Giải phẫu - Sinh lý học - Dược lý - Dinh dưỡng		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 45 tiết/ lâm sàng 67,5 tiết
11	BSC-11.1	Ngoại ngữ 1		3/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
12	BSC-12	Tin học cơ bản		1/1/0	BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
		Tổng	**16/4/0**	**12/5,5/2,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân

email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 Số lượng sinh viên: 402

1.1. Số lớp học tập: **4 (YK1+YK2+YK3+YK4)**

1.2. Số tổ học tập: **16 (từ tổ 01 đến tổ 16)** (3 tổ AUF 14+ 15+16)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.1	Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2/0		GDYH-KNTLS, Tâm lý-Y đức, YHGĐ, Nhóm PPD, Nội, Ngoại, SLB - MD, Lão khoa, Y SH-DT, TM, Nhi, HSCC, Khoa ĐD-HS, CĐHA, SKNN, Dịch tễ	19/8/2024-12/01/2025	lý thuyết 45 tiết/ thực hành 52 tiết
2	S2.2	Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3,5/0,5/0		Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 16 tiết
3	S2.3	Module S2.3: Huyết học	2/0,5/0,5		Mô phôi, Huyết học, Sinh lý, YSH-DT, Hóa sinh, Dược lý, CĐHA, Nhi		lý thuyết 36 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 20 tiết
4		Triết học Mác -Lênin	3/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
5		Kinh tế chính trị	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	LANG03	Ngoại ngữ 3	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
7	STAP00	Xác suất thống kê		1/1/0	BM Toán - Tin	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
8	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Giáo dục thể chất		thực hành 60 tiết
9	S2.4	Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		lý thuyết 48 tiết/ thực hành 36 tiết/ lâm sàng 20 tiết
10	S2.5	Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Tim mạch, Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý, GPB, Vi sinh, Mô phôi, Nhi, Hóa sinh, SLB-MD, CĐHA, YHGĐ, Ngoại		lý thuyết 60 tiết/ thực hành 18 tiết/ lâm sàng 20 tiết
11	S2.6	Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Giải phẫu, Sinh lý, CĐHA, Nội, Ngoại, YHDP, Mô phôi, SLB-MD, Dược lý, GPB, Truyền nhiễm, TMH, Lao, Vi sinh		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 22 tiết/ lâm sàng 20 tiết
12	OCSE1	Kỹ năng y khoa 1		0/2/0	Các module có liên quan		
		Tổng	**16,5/3/0,5**	**12/6,5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương

email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** 80

1.1. Số lớp học tập: 01 (Y2CT)

1.2. Số tổ học tập: 04 (CT: Tổ 17,18,19,20)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6907/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình Bác sĩ Y học cổ truyền

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	19/8/2024-12/01/2025	lý thuyết: 30tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
7	PHYS01	Sinh lý học 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
11	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
12	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
13	PHYS02	Sinh lý học 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM GDYH & KNTLS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15,5/5,5**	**12,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương

email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** 84

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2XN)

1.2. Số tổ học tập: 04 (tổ 33,34,35,36)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6908/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	19/8/2024-12/01/2025	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	LABC01	Giải phẫu bệnh 1	1/2		GPBLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
5	PARA01	Ký sinh trùng 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	MICR01	Vi sinh 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	BIOC01	Hóa sinh 1	2/1		HSLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	NURB00	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
11	PARA02	Ký sinh trùng 2		2/1	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
12	MICR02	Vi sinh 2		2/2	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
13	BIOC02	Hóa sinh 2		1/1	HSLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
14	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
16	MOLP00	Y sinh học phân tử cơ bản		1/3	Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
		Tổng	**13,5/7,5**	**11,5/7,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương

email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** 78

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2KX)

1.2. Số tổ học tập: 4 (tổ 29+30+31+32)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6909/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Khúc xạ nhãn khoa

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	19/8/2024-12/01/2025	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	ANAP00	Giải phẫu và sinh lý mắt	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
5	OPTA01	Quang học ứng dụng I	1/1		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	PHYO00	Quang sinh lý học	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 30tiết
8	GEPH00	Quang hình học và quang Vật lý	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 30tiết
9	OPTC00 OPEN00	Tự chọn: -Khúc xạ nhãn khoa cộng đồng -Khúc xạ nhãn khoa nghề nghiệp và môi trường làm việc	1/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết
10	OPTN00	Nhận thức thị giác & Sinh lý TK	3/0		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 45tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PROC1A	Các NT nhãn khoa LSIA	1/1		BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
14	PATI00	Sinh lý bệnh-MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	ORGM00	Tổ chức và quản lý Y tế		1/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17	HEDU00	Giáo dục sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	PHAR01	Dược lý		1/1	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
19	AEDR00	Bệnh bán phần trước và y học lâm sàng		2/0	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 30tiết
20	OPTA02	Quang học ứng dụng II		1/2	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
21	PROC1B	Các nguyên tắc NK lâm sàng IB		1/1	BM Mắt - KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**17,5/4,5**	**11,5/7,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

1 **Số lượng sinh viên:** 62

1.1. Số lớp học tập: 1(Y2PHCN)

1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 37+38)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Vận động học và sinh cơ học	1/1		BM Phục hồi chức năng	19/8/2024-12/01/2025	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
2		Quá trình phát triển con người	2/0		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 30tiết
3	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4		Lịch sử Đảng	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
5		Tiếng Anh 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
6		Dịch tễ học	2/0		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết
7		Giải phẫu chức năng	2/2		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8		Bệnh học di truyền	1/0,5		BM Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
9		Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
10		Dược lý	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
11		Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
12		Nhập môn lâm sàng PHCN		1/0	BM Phục hồi chức năng	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 15tiết
13		Lượng giá chức năng vận động		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
14		Các phương thức điều trị vật lý trị liệu		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15		Triệu chứng học Nội khoa		1/1	BM Nội		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
16		Nghiên cứu khoa học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
17		Triệu chứng học Ngoại khoa		1/1	BM Ngoại		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
18		Các kỹ thuật tác động bằng tay		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
19		Vận động trị liệu		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
20		TTLS 1: Các phương thức vật lý trị liệu, vận động trị liệu		0/4	BM Phục hồi chức năng		lâm sàng: 8tuần
21		Y học thể dục thể thao		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	**17,5/5**	**9/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 Số lượng sinh viên: **400**

1.1. Số lớp học tập: **4 (YK1+YK2+YK3+YK4)**

1.2. Số tổ học tập: **16 (từ tổ 1 đến tổ 16)** (2 tổ AUF 15+16)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.7	Module S2.7 - Tiêu hóa	4,5/1,5/0,5		Nội, Ngoại, Mô phôi, Nhi, Truyền nhiễm, CĐHA, Giải phẫu, Hóa sinh, Dược lý, Sinh lý, Vi sinh, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, Dinh dưỡng	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết 66 tiết/ thực hành 40 tiết/ lâm sàng 24 tiết
2	S2.8	Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1		Thần kinh, Tâm thần, Ngoại, CĐHA, Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, Nhi, Sinh lý, Ký sinh trùng, Lão khoa, Mắt, Giáo dục sức khỏe, Tâm lý		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 16 tiết/ lâm sàng 38 tiết
3	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1/0		BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 36 tiết
4	RESE01	Nghiên cứu khoa học 1	1/1/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
5		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 13/1/2025 đến 29/5/2025	lý thuyết 30 tiết
7	S2.9	Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa		4/0,5/0,5	Nội, Nhi, Giải phẫu bệnh, Y học hạt nhân, Di truyền, Hóa sinh, Sinh lý học, CĐHA, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Dược lý, Mô phôi		lý thuyết 56 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 26 tiết
8	S2.10	Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5	Nội, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, SLB-MD, Vi sinh, Dược lý, CĐHA, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, YHHN		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 10 tiết/ lâm sàng 24 tiết
9	S2.11	Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5	Phụ sản, YSH-DT, Dược lý, SLB-MD, Vi sinh, Mô phôi, Giải phẫu, Hóa sinh, CĐHA, Sinh lý học, Giải phẫu bệnh, Ngoại		lý thuyết 42 tiết/ thực hành 28 tiết/ lâm sàng 14 tiết
10	RESE02	Nghiên cứu khoa học 2		1/1/0	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
12		Kỹ năng y khoa 2		0/2/0	Các bộ môn liên quan		thực hành 60 tiết
		Tổng	**13,5/4/1,5**	**16/5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 Số lượng sinh viên: 54

1.1. Số lớp học tập: 01 (Y3CT)

1.2. Số tổ học tập: 02 (CT: Tổ 17,18)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	HEDU00	GDSK&NCSK	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
4	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 32tiết
5	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 36tiết
6	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
7	PREC00	Tiền lâm sàng	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120tiết
8	THEO01	Lý luận cơ bản YHCT I	4/0		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 60tiết
9	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền	Từ 13/1/2025 đến 29/5/2025	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
10	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
11	INTE02	Nội cơ sở Y học hiện đại		3/3	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 7tuần
12	SURG02	Ngoại cơ sở Y học HĐ		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	THEO02	Lý luận cơ bản YHCT II		0/2	Khoa Y học cổ truyền		lâm sàng: 4tuần
14	PREC01	Tiền LS.YHCT1		0/1	Khoa Y học cổ truyền		thực hành: 30tiết
15	COMM01	Thực tập cộng đồng1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	28/7-10/8/2025	lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**12,5/7,5**	**10,5/10,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** **70**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3XN)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (tổ 29,30,31,32)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	ORGM00	TC&QL.YT	1/1		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
5	MOLP00	Bệnh học phân tử	1/2		KTYH (BM Bệnh học phân tử)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
6	BIOC03	Hóa sinh III	2/2		KTYH (BM HSLS)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	CYHE00	Huyết học tế bào	2/2		KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8	EPID03	Dịch tễ học một số bệnh phổ biến		2/0	BM Dịch tễ	Từ 13/1/2025 đến 29/5/2025	lý thuyết: 30tiết
9	MICR03	Vi sinh III		2/3	KTYH (BM Vi sinh-KSTLS)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
10	HEMC00	Huyết học đông máu		1/1	KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	TRAN00	Huyết học truyền máu		1/1	KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	LABC02	Xét nghiệm tế bào II		1/1	KTYH (BM GPBLS)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	QUAL00	QLCLXN Y sinh		3/2	KTYH (BM KHXN)		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
		Tổng	**11/7**	**10/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền
email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** 49

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3KX)**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 27+28)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 13/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
4	OCUL00	Vận nhãn và thị giác 2 mắt	3/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 45tiết
5	LOWV01	Giới thiệu về khiếm thị	1/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	PHAR02	Dược lý nhãn khoa	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
7	CONL01	Kính tiếp xúc I	2/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	PEDR00	Bệnh bán phần sau và Y học LS	2/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết
9	PROC2A	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIA	1/1		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	PRET01	Thực hành TLS&TTCĐ I	0/2		BM Mắt-KXNK		thực hành: 90tiết
11	NEDR00	Bệnh TK nhãn khoa &YHLS		2/0	BM Mắt-KXNK	Từ 13/1/2025 đến 29/5/2025	lý thuyết: 30tiết
12	LOWV02	Khiếm thị nâng cao		1/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	OPTP00	Khúc xạ nhãn khoa trẻ em		2/0	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết
14	CONL02	Kính tiếp xúc II		2/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
15	ANOM00	Rối loạn thị giác và bài tập thị giác		2/2	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
16	PROC2B	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIB		2/1	BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
17	PRET02	Thực hành TLS&TTCĐ II		0/2	BM Mắt-KXNK		thực hành: 90tiết
		Tổng	**16/5**	**11/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền

email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** 405

1.1. Số lớp học tập: 4 (YK1+YK2+YK3+YK4)

1.2. Số tổ học tập: 16 (từ tổ 1 đến tổ 16) (2 tổ AUF 15+16)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.1	Nội khoa I	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)	- Quay vòng 5 mô-đun, 100 sv/mô đun x 8 tuần - Học kì 1: 19/8/2024-12/1/2025 - Học kì 2: 13/1-6/7/2025	
2	S3.2.	Nội khoa II	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)		
3	S3.3	Ngoại khoa I	2,5/0,5/5		Mô-đun (BM Ngoại)		
4	S3.4	Sức khoẻ phụ nữ - Sinh sản I	3/0/5		Mô-đun (BM Phụ sản)		
5	S3.5	Nhi khoa I	3/0/5		Mô-đun (BM Nhi)		
6	FORE	Y pháp	2/0/0		BM Y pháp		
7	HVCP00	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		2/0/0	BM Lý luận chính trị		
		Tổng	**16,5/0,5/25**	**2/0/0**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

1 **Số lượng sinh viên:** 49

1.1. Số lớp học tập: 01 (Y4CT)

1.2. Số tổ học tập: 02 (CT: Tổ 17,18)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	Từ 19/8/2024-12/1/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	1/1		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	INTE08	Nội bệnh lý YHHĐ1	3/4		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
4	SURG06	Ngoại bệnh lý YHHĐ	2/1		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	OBGY07	Sản phụ khoa YHHĐ	2/1		BM Phụ sản		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	PEDI03	Nhi khoa YHHĐ	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết
8	EPID00	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ	Từ ngày 13/1-29/6/2025	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	REPH00	Phục hồi chức năng		1/2	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	ONCO00	Ung thư		1/1	BM Ung thư		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	DERM01	Da liễu YHHĐ		1/1	BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	INFD00	Truyền nhiễm		1/1	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	NEUR00	Thần kinh		1/2	BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	MENT00	Tâm thần		1/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	ORLA00	Tai mũi họng		1/1	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 16tiết/ lâm sàng: 2tuần
16	ALLE00	Dị ứng và MDLS		1/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
17	TUBL00	Lao và bệnh phổi		0,5/0,5	BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 10tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**13/9**	**9,5/11,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** **98**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y4 ĐD)**

1.2. Số tổ học tập: **4 (tổ 31,32,33,34)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 2905/QĐ-ĐHYHN, ngày 21/07/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BSC-14.5	Lịch sử Đảng CSVN	2/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024-22/12/2024	lý thuyết: 30tiết
2	NUR-6.5	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Dinh dưỡng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	NUR-6.6	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	NUR-6.8	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	NUR06.9	Điều dưỡng trong Y học cổ truyền	1/0/1		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	NUR-8	Chuyên đề nghiên cứu	1/1/0		- BM Toán tin - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	BSC-13.3	Y học thể thao	1/0/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
8	NUR-7.1	ĐD CS giảm nhẹ (*)		1/0/2	- BM Ung thư - Khoa ĐD-HS	(*) Học Điều dưỡng chuyên khoa tự chọn từ 23/12/2024 đến 27/4/2025 (Sinh viên chọn 3 trong 5 module) và chuyên đề nghiên cứu	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
9	NUR-7.2	ĐD hồi tỉnh sau phẫu thuật (*)		1/0/2	- BM Gây mê hồi sức - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	NUR-7.3	ĐD sơ sinh (*)		1/0/2	- BM Y sinh học DT - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
11	NUR-7.4	ĐD Tai mũi họng (*)		1/0/2	- BM Tai mũi họng - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
12	NUR-7.5	ĐD gia đình (*)		1/0/2	- Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
13	THEC00	Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa ĐD-HS và các Bộ môn có liên quan	28/4-15/6/2025	
14	NUR-9	Thực tế và thi tốt nghiệp		0/0/5	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**8/1/10**	**9/0/11**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** 53

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4XN)

1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 29,30)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh	Từ 19/8/2024-5/1/2025	lý thuyết: 15tiết
2	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
3	NFC00	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	PRAM00	TH XN Vi sinh-KST	0/6		Khoa KTYH		lâm sàng: 5tuần
5	PRAB00	TH XN Hóa sinh	0/4		Khoa KTYH		lâm sàng: 3tuần
6	HEML01	XN HH nâng cao	2/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	MICF00 MOLP02 LABC03	Tự chọn: - XN vi sinh – KST trong VSATTP - Bệnh học phân tử II - XN tế bào III	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
8	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	6/1/2025-25/4/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	PRAH03	TH XN Huyết học		0/6	Khoa KTYH		lâm sàng: 5tuần
10	PATP00	TH XN Giải phẫu bệnh		0/4	Khoa KTYH		lâm sàng: 4tuần
11	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Khoa KTYH	28/4-15/6/2025	lâm sàng: 4tuần
12	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa KTYH và các Bộ môn có liên quan		
		Tổng	**7/13**	**8/17**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** 48

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y4KX)**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 27,28)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	Từ 19/8/2024-5/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	EPID03	Dịch tễ học một số bệnh phổ biến	2/0		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết
4	OPEN00	Khúc xạ nhãn khoa nghề nghiệp và môi trường làm việc	1/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết
5	OPTG00	Khúc xạ lão khoa	1/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết
6	CASE01	Phân tích trường hợp lâm sàng I	1/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết
7	CASE02	Phân tích trường hợp lâm sàng II	1/0		BM Mắt-KXNK		lý thuyết: 15tiết
8	PRET03	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng III	0/6		BM Mắt-KXNK		lâm sàng: 12tuần
9	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	Từ ngày 6/01/2025 đến ngày 25/4/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
10	PRET04	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng IV		0/5	BM Mắt-KXNK		lâm sàng: 10tuần
11	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	BM Mắt-KXNK	28/4-15/6/2025	lâm sàng: 4tuần
12	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	BM Mắt-KXNK		
		Tổng	**9/7**	**8/12**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
Email: Linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** 391
1.1. Số lớp học tập: 4
1.2. Số tổ học tập: 16 từ 01 đến 16 (02 tổ AUF)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	S3.6	Hồi sức cấp cứu và gây mê hồi sức	2/3	HSCC+GMHS	*Quay 2 vòng x 8 tuần/vòng x 2 lớp /vòng Từ 09/12/2024-13/4/2025*	
2	RESE03	Nghiên cứu khoa học 3	1/1	Module Nghiên cứu khoa học		
3	S3.7	Ung bướu và chăm sóc giảm nhẹ	2/2	BM Ung thư	*Quay vòng 4 môn x 4 tuần/môn x 1 lớp/môn Từ 19/8-08/12/2024*	
4	S3.8	Sức khỏe tâm thần	2/2	BM Tâm thần		
5	S3.9	Y học cổ truyền	2/2	Khoa YHCT		
6	S3.10	Truyền nhiễm	2/2	BM Truyền nhiễm		
7	S3.11	Chăm sóc sức khỏe ban đầu I (Tuyến quận/huyện)	4/4	BM Y học gia đình	*Quay 2 vòng x 8 tuần/vòng x 2 lớp /vòng Từ 9/12/2024-13/4/2025*	
8	S3.12.1	Phục hồi chức năng	1/1	BM Phục hồi chức năng	*Tự chọn 4/8 môn theo nhóm, đi 2 tuần/môn x 55 SV/môn Từ 14/4--8/6/2025*	
9	S3.12.1	Lao	1/1	Lao		
10	S3.12.2	Dị ứng - Miễn dịch LS	1/1	Dị ứng - Miễn dịch LS		
11	S3.12.2	Da liễu	1/1	Da liễu		
12	S3.12.3	Mắt	1/1	Mắt		
13	S3.12.3	Tai mũi họng	1/1	BM Tai Mũi Họng		
14	S3.12.4	Răng hàm mặt	1/1	Viện ĐT Răng Hàm Mặt		
15	S3.12.4	Phẫu thuật tạo hình thẩm mĩ	1/1	Phẫu thuật tạo hình		
		Tổng	23/24			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** 47

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 17;18)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	ACUP00	Châm cứu học	3/3	Khoa Y học cổ truyền	19/8-29/9/2024	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	PREC02	Tiền lâm sàng YHCT 2	0/1	Khoa Y học cổ truyền	28/10-17/11/2024	thực hành: 30tiết
3	TRME00	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	2/2	Khoa Y học cổ truyền	30/9-27/10/2024	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	HERT00	Thuốc YHCT	3/3	Khoa Y học cổ truyền	28/10-29/12/2024	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
5	PROC00	Chế biến dược liệu và thực vật dược	1/1	Khoa Y học cổ truyền	30/12-19/1/2025	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	FORM00	Phương tễ	4/2	Khoa Y học cổ truyền	20/1-16/3/2025	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	TRAC00	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	1/0	Khoa Y học cổ truyền	17-23/3/2025	lý thuyết: 15tiết
8	INTE06	Nội bệnh lý YHCT 1	3/2	Khoa Y học cổ truyền	31/3-11/5/2025	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
9	GERT01	Bệnh học lão khoa YHCT	2/1	Khoa Y học cổ truyền	12/5-01/6/2025	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
10	WARM01	Ôn bệnh	1/0	Khoa Y học cổ truyền	24-30/3/2025	lý thuyết: 15tiết
11	ORLS00	Bệnh học ngũ quan	1,6/0,4	Khoa Y học cổ truyền	02/6-15/6/2025	lý thuyết: 25tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	DERT00	Da liễu YHCT	1/1	Khoa Y học cổ truyền	16/6--6/7/2025	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**22,6/16,4**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa

email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **418**

1.1. Số lớp học tập: **4**

1.2. Số tổ học tập: **16** từ 01 -16 (Có 02 tổ AUF:15+16)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.13	Nội khoa 3	3/4		BM Nội tổng hợp	Từ 19/8/2024-8/12/2024	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
2	S3.14	Ngoại khoa 2	3/4		BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
3	S3.15	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản 2		2/2	BM Phụ sản	Từ 9/12/2024-13/4/2025	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	S3.16	Nhi khoa 2		2/2	BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	S3.17	Chăm sóc sức khỏe ban đầu 2		0/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	OSCE3	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan	28/4-25/5/2025	lâm sàng: 4tuần
7	GRA	Lý thuyết tổng hợp/ Khóa luận		6/0	Các BM liên quan	2/6-15/6/2025	
		Tổng	**6/8**	**10/11**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** **51**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 17;18)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	INTE09	Nội bệnh lý YHHĐ 2	3/2		BM Nội tổng hợp	19/8-29/9/2024	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	SURG07	Ngoại bệnh lý YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	30/9- 20/10/2024	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	OBGY06	Sản phụ khoa YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	21/10-10/11/2024	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	PEDI07	Nhi YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	11/11-1/12/2024	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	COMM02	Thực tế cộng đồng 2 - YHCT	0/2		Khoa Y học cổ truyền	2/12-22/12/2024	lâm sàng: 2tuần
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	21/10/2024-12/1/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	INTE07	Nội bệnh lý YHCT 2		4/4	Khoa Y học cổ truyền	23/12/2024-16/3/2025	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 9tuần
8	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Khoa Y học cổ truyền	28/4-25/5/2025	lâm sàng: 4tuần
9	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa Y học cổ truyền	2/6-15/6/2025	02 tuần
		Tổng	**8/9**	**10/9**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc

email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 15

1 **Số lượng SV dự kiến:** 130

1.1. Số lớp học tập: 2

1.2. Số tổ học tập: 8

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6913/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Điều dưỡng Chương trình tiên tiến

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất	09/09/2024- 10/01/2025	thực hành: 60tiết
2	ENG101-1 ENG101-2 ENG101-3	Tiếng anh chung 1,2,3	12/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 180tiết
3	PHYL00	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	GEN 103	Sinh học – Di truyền	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
5	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4		6/2,5	BM Giáo dục quốc phòng	13/01/2025 - 30/6/2025	lý thuyết: 105tiết/ thực hành: 30tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
7	ENG102-1 ENG102-2 ENG103-3	Tiếng anh chuyên ngành TC 1,2,3		9/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 135tiết
8	BIO 100	Hóa sinh		1,5/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
9	SOC 100	Y xã hội học		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
10	GEN 100	Thống kê Y sinh học		1,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**16,5/2,5**	**22/3,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Hoàng Diệu Linh

email: hoangdieulinh@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 14

1 **Số lượng sinh viên:** **123**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2APN)**

1.2. Số tổ học tập: **6 (tổ 39+40+41+42+43)**

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6913/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chương trình tiên tiế

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ANT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu	19/8/2024-12/01/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	PHYSO00	Sinh lý học	2/1		BM Sinh lý học		lý thuyết: 25tiết/ thực hành: 20tiết
3	MICR00	Vi sinh	1/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	ENG103-1	Tiếng anh CN nâng cao 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
5	ENG103-2	Tiếng anh CN nâng cao 2	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	NRG202	Giao tiếp trong chăm sóc sức khoẻ	2/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 44tiết
7	PSY100	Tâm lý y học	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
8	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
11	NRG200	Đại cương chăm sóc sức khỏe		4/4	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 6tuần
12	PATH00	Sinh lý bệnh		2,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết 38 tiết
13	PHAR01	Dược lý		2/1	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
14	NRG203	Kiểm soát nhiễm khuẩn		2/1	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
15	NRG 312	Khám thực thể		2/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
		Tổng	**17/5**	**14,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương

email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 13

1 Số lượng sinh viên: 95

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y3APN)

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NTR100-1	Dinh dưỡng cơ bản	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 19/8/2024-12/1/2025	lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
2	NRG 450	Nghiên cứu điều dưỡng	3/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 2tuần
3	NRG 250	Chăm sóc Điều dưỡng Nội khoa trung cấp	2/0		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết
4	NRG 250C	Thực hành Chăm sóc Điều dưỡng Nội khoa trung cấp	0/3		BM Nội tổng hợp		lâm sàng: 7tuần
5	NRG 251	Chăm sóc Điều dưỡng Ngoại khoa trung cấp	2/0		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết
6	NRG 251C	Thực hành Chăm sóc Điều dưỡng Ngoại khoa trung cấp	0/3		BM Ngoại		lâm sàng: 7tuần
7	REV 000	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
8	NRG 353	Pháp luật chăm sóc sức khỏe	2/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
9	NRG 341	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần		3/0	BM Tâm thần	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 45tiết
10	NRG 341C	Thực hành Điều dưỡng sức khỏe tâm thần		0/3	BM Tâm thần		lâm sàng: 7tuần
11	NRG 260	Chăm sóc SK người cao tuổi		2/0	BM Lão khoa		lý thuyết: 30tiết
12	NRG 260C	Thực hành Chăm sóc SK người cao tuổi		0/2	BM Lão khoa		lâm sàng: 5tuần
13	NRG 372	Chăm sóc SK Phụ nữ		3/0	BM Phụ sản		lý thuyết: 45tiết
14	NRG 373C	Thực hành Chăm sóc SK Phụ nữ		0/3	BM Phụ sản		lâm sàng: 7tuần
15	NRG 110	Hệ thống CSSK		3/0	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 45tiết
16	SPM 100	YHTDTT		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	**12,5/7,5**	**12/8**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thùy Anh

email: nguyenthuyanh@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 12

1 **Số lượng sinh viên:** 15

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y4APN)

1.2. Số tổ học tập: 1

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NRG 361	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4/0		BM Nhi	Từ 19/8/2024-12/1/2025	lý thuyết: 60tiết
2	NRG 361C	Thực hành CSSK trẻ em	0/3		BM Nhi		lâm sàng: 7tuần
3	NRG 331	Chăm sóc điều dưỡng tích cực	2/0		BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 30tiết
4	NRG 331C	Thực hành CSĐD tích cực	0/3		BM Hồi sức cấp cứu		lâm sàng: 7tuần
5	NRG 313	Điều dưỡng Truyền nhiễm	1/1		BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	NRG 451	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	13/1/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
7	NRG 453A	Điều dưỡng Nội khoa nâng cao		1/0	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 15tiết
8	NRG 453AC	Thực hành ĐD Nội khoa nâng cao		0/2	BM Nội tổng hợp		lâm sàng: 5tuần
9	NRG 454A	Điều dưỡng Ngoại khoa nâng cao		1/0	BM Ngoại		lý thuyết: 15tiết
10	NRG 454AC	Thực hành ĐD Ngoại khoa nâng cao		0/2	BM Ngoại		lâm sàng: 4tuần
11	NRG 314	Điều dưỡng phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	NRG455E1 NRG455E2 NRG455E3 NRG455E4	Tự chọn 1: - Điều dưỡng gia đình - ĐD CS giảm nhẹ - ĐD Tai-Mũi-Họng - ĐD các bệnh tự miễn và dị ứng		2/2	Khoa ĐDHS và các Bộ môn liên quan		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	NRG 111 NRG 111C	Điều dưỡng cộng đồng		2/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	NRG456E1 NRG456E2 NRG456E3 NRG456E4 NRG456E5	Tự chọn 2: Thực tập tại mô hình BVQT (Nội/Ngoại/Sản/Nhi/CSTC)		0/4	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**7/7**	**9/14**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thùy Anh

email: nguyenthuyanh@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 11

1 **Số lượng sinh viên:** **18**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **1 (tổ 41)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	NRG 452A/ NRG452 AC	Chăm sóc ĐD tích cực nâng cao	2/4	BM Hồi sức cấp cứu	19/08-27/09/2024	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
2		Học lại và trả nợ 1 số môn Tự ôn thi		Các BM liên quan	30/9-11/10/2024	
3	NRG 500C	Thực tế tốt nghiệp	0/4	Các BM liên quan	14/10-10/11/2024	lâm sàng: 4tuần
4	NRG 500	Bảo vệ khóa luận	6/0	Các BM liên quan	18/11-29/11/2024	
		Tổng	8/8			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thi Phương Liên

email: nguyenphuonglien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 22 (liên thông từ Cao đẳng)
(liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 166
1.1. Số lớp học tập: 2 (mỗi lớp 83 sinh viên)
1.2. Số tổ học tập: 8 (lớp A từ tổ 1 đến 4; lớp B từ tổ 5 đến 8)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 6914/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI02	Giáo dục quốc phòng	2/0		Bm Giáo dục quốc phòng	12/8/2024- 29/9/2024	lý thuyết: 30tiết
2	MILI04	Giáo dục quốc phòng	0/2		Bm Giáo dục quốc phòng		thực hành: 60tiết
3	HVCP00	Lịch sử Đảng CSVN	1/0		BM Lý luận chính trị	15/10/2024- 16/3/2025	lý thuyết: 15tiết
4	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	1/0		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết
5	RESN00	Nghiên cứu điều dưỡng	2/0		Khoa Điều dưỡng hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
6	TRAM00	Y học cổ truyền	1/1		Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết
7	NURP00	Điều dưỡng trẻ em	1/1		Nhi		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
8	NURW00	Điều dưỡng sản phụ khoa	1/1		BM Phụ sản		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
9	NURD00	Điều dưỡng truyền nhiễm	2/1		BM Truyền nhiễm		lý thuyết 30 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10	NURE00	Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu	1/1		Hồi sức cấp cứu		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
11	NURM00	Điều dưỡng tâm thần		1/1	BM Tâm thần	17/3/2025- 30/10/2025	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
12	NURR00	Điều dưỡng phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
13	NURF00 PALN00 ALLN03 ORLN00	Môn tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 4 môn): - Điều dưỡng gia đình - ĐD CS giảm nhẹ - ĐD Tai-Mũi-Họng - ĐD các bệnh tự miễn và dị ứng		1/1	Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng-Miễn dịch; Tai mũi họng		lý thuyết 15 tiết lâm sàng 45 tiết
14	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/2	Khoa Điều dưỡng hộ sinh		lâm sàng 90 tiết
15		Tốt nghiệp lâm sàng		0/2	Nội/Ngoại/Sản/ Nhi		lâm sàng 90 tiết
16		Khóa luận tốt nghiệp		5/0	Phòng QLĐTĐH điều phối		lý thuyết: 75tiết
		Tổng	**12/2**	**8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lâm Văn Chiến
email: lamvanchien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 23A (liên thông từ Cao đẳng)
(liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 101
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 6914/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành tiến trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ trình

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PhyL00	Triết học Mac- Lê nin	2/0		BM Lý luận chính trị	05/2024 - 11/2024	lý thuyết: 30tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị	1/0		BM Lý luận chính trị		LT 15 tiết
3	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
4	LANG00	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	INFO01	Tin học	0,5/0,5		BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
6	GENB03	Sinh học di truyền	0,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
7	ANAT00	Giải phẫu	1/0,5		BM Giải phẫu		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
8	PHYS00	Sinh lý học	1/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
9	MICR00	Vi sinh	1/0,5		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
10	PARA00	Ký sinh trùng	1/0,5		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 14tiết/ thực hành: 15tiết
11	COIN00	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong điều dưỡng	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 45tiết
12	SKIL02	Kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng	0/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 30tiết
13	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/2		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
14	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0	BM Lý luận chính trị	11/2024 - 05/2025	lý thuyết: 15tiết
15	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
16	BIOC00	Hóa sinh		1/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 16tiết
17	DIEN00	Dinh dưỡng tiết chế		0,75/0,25	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 12tiết/ thực hành: 8tiết
18	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 16tiết
19	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		1,5/0	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết
20	MANU0	Quản lý điều dưỡng		1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết
21	PHAR01	Dược lý		1/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
22	NURS03	Điều dưỡng Nội khoa		2/2	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
23	NURI03	Điều dưỡng Ngoại khoa		2/2	BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
24	RESN00	Nghiên cứu điều dưỡng		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
25	MILI02	Giáo dục quốc phòng		2/0	Bm Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 30tiết
26	MILI04	Giáo dục quốc phòng		0/2	Bm Giáo dục quốc phòng		thực hành: 60tiết
		Tổng	**14/7**	**16,25/7,25**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Lan Hương
lelanhuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 23B (liên thông từ Cao đẳng)
(liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 200 (dự kiến)
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 8
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 6914/QĐ-ĐHYHN, ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ CĐ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PhyL00	Triết học Mac- Lê nin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
2	POEM00	Kinh tế chính trị	1/0		BM Lý luận chính trị		LT 15 tiết
3	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
4	LANG00	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	INFO01	Tin học	0,5/0,5		BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
6	GENB03	Sinh học di truyền	0,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
7	ANAT00	Giải phẫu	1/0,5		BM Giải phẫu		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
8	PHYS00	Sinh lý học	1/0,5		BM Sinh lý học	11/2024 - 04/2025	lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
9	MICR00	Vi sinh	1/0,5		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
10	PARA00	Ký sinh trùng	1/0,5		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 14tiết/ thực hành: 15tiết
11	COIN00	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong điều dưỡng	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 45tiết
12	SKIL02	Kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng	0/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 30tiết
13	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/2		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
14	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
15	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 15tiết
16	BIOC00	Hóa sinh		1/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 16tiết
17	DIEN00	Dinh dưỡng tiết chế		0,75/0,25	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 12tiết/ thực hành: 8tiết
18	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 16tiết
19	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		1,5/0	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết
20	MANU0	Quản lý điều dưỡng		1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	05/2025 - 10/2025	lý thuyết: 15tiết
21	PHAR01	Dược lý		1/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
22	NURS03	Điều dưỡng Nội khoa		2/2	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
23	NURI03	Điều dưỡng Ngoại khoa		2/2	BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
24	RESN00	Nghiên cứu điều dưỡng		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
25	MILI02	Giáo dục quốc phòng		2/0	Bm Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 30tiết
26	MILI04	Giáo dục quốc phòng		0/2	Bm Giáo dục quốc phòng		thực hành: 60tiết
		Tổng	**14/7**	**16,25/7,25**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối:

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 4 (liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 124
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 6
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 2924/QĐ-ĐHYHN, ngày 16/7/2021 về việc ban hành tiến trình đào tạo và KCT ĐT Cử nhân KT XNYH liên thông từ trình độ Cao đẳng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Nghiên cứu khoa học	2/0		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh	Từ 11/2024 đến 27/4/2025	lý thuyết 30 tiết
2		Vi sinh II	2/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
3		Hóa sinh II	2/3		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 90 tiết
4		Tổ chức và quản lý Phòng xét nghiệm	2/3		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 90 tiết
5		Chủ nghĩa khoa học xã hội	1/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh		1/0	BM Lý luận chính trị	Từ 5/5/2025-10/2025	lý thuyết 15 tiết
7		Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
8		Kiểm soát nhiễm khuẩn BV		1/1	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
9		Thực tế tốt nghiệp		0/1/2	Khoa Kỹ thuật y học		/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
10		Tốt nghiệp tay nghề		0/1/2	Khoa Kỹ thuật y học		/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 90 tiết
11		Bảo vệ tiểu luận tốt nghiệp		5/0	Phòng QLĐTĐH và các Khoa/BM liên quan		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	**9/8**	**8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 5A (liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 55
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Xét nghiệm cơ bản	1/1		Khoa Kỹ thuật y học	Từ 06/5/2024 đến 13/10/2024	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
2		Bệnh học phân tử	2/3		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 90 tiết
3		Xét nghiệm tế bào	2/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
4		Huyết học I	2/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
5		Triết học Mác-Lenin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
1		Ký sinh trùng		2/2	Khoa Kỹ thuật y học	Từ 14/10/2024 đến 18/5/2025	lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
2		Vi sinh I		2/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
3		Hóa sinh I		1/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
4		Huyết học II		2/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
5		Kinh tế chính trị Mác - Lênin		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
6		Giáo dục quốc phòng		2/2	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 34 tiết/ thực hành 56 tiết
		Tổng	**9/8**	**10/10**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thùy Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 5B (liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** 200
1.1. Số lớp học tập: 2
1.2. Số tổ học tập: 6
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Xét nghiệm cơ bản	1/1		Khoa Kỹ thuật y học	11/2025 - 04/2025	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
2		Bệnh học phân tử	2/3		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 90 tiết
3		Xét nghiệm tế bào	2/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
4		Huyết học I	2/2		Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
5		Triết học Mác-Lenin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
1		Ký sinh trùng		2/2	Khoa Kỹ thuật y học	05/2025 - 10/2025	lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
2		Vi sinh I		2/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
3		Hóa sinh I		1/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 60 tiết
4		Huyết học II		2/2	Khoa Kỹ thuật y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
5		Kinh tế chính trị Mác - Lênin		1/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết 15 tiết
6		Giáo dục quốc phòng		2/2	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 34 tiết/ thực hành 56 tiết
		Tổng	**9/8**	**10/10**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng SV dự kiến:** **100**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6910/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y học dự phòng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	10/08/2024- 12/01/2025	lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
2	PHYL00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75tiết
3	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 33tiết
4	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
5	CHEM00	Hóa học	2,5/0,5		BM Hóa học		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 16tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75tiết
7	BIOP00	Lý sinh	2/1		BM Y vật lý		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 32tiết
8	POPU00	Dân số 1		1/0	BM Dân số	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 15tiết
9	GENB01	Sinh học		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
10	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 20tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
12	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 33tiết
13	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
		Tổng	**20,5/5**	**8/4**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng sinh viên:** 100

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (Tổ 23-26)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	10/08/2024- 12/01/2025	lý thuyết: 30tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 28tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 30tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 31tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 41tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 12tiết
7	PHYS01	Sinh lý 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 20tiết/ thực hành: 8tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	PMAL00	Chủ nghĩa khoa học xã hội	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
11	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 34tiết
12	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
13	PHYS02	Sinh lý 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 29tiết/ thực hành: 30tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 21tiết/ thực hành: 24tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	15,5/5,5	12,5/5,5			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 Số lượng sinh viên: 84

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (Tổ 23-26)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HVCP00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	10/08/2024- 12/01/2025	lý thuyết: 45tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	HEDU01	GDSK&NCSK1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	ECOH00	Kinh tế Y tế	2/0		BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30tiết
5	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
7	PREC00	Tiền lâm sàng	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120tiết
8	ORGM00	Tổ chức và QL.Y tế	2/2		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9	ENVI01	KHMT-SKMT 1		1,5/0,5	BM Sức khỏe môi trường	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
10	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
11	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
12	INTE01	Nội cơ sở		3/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 4tuần
13	SURG01	Ngoại cơ sở		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	COMM01	Thực tế cộng đồng 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	02/8/2025-09/8/2025	lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**11,5/8,5**	**12/7**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng sinh viên:** 62

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (23-26)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	10/08/2024- 12/01/2025	lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 40tiết
2	INTE03	Nội bệnh lý	4/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 8tuần
3	SURG03	Ngoại bệnh lý	2/2		BM Ngoại		lý thuyết: 31tiết/ lâm sàng: 6tuần
4	POPU00	Dân số 2	2/1		BM Dân số		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 28tiết
5	PEDI00	Nhi	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	OBGY00	Sản	2/1		BM Phụ sản		lâm sàng: 4tuần
10	ANSO00	Nhân học và xã hội học	1/1		BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
7	GLOH00 HIVA00 ETHI01	Tự chọn 1: - Sức khỏe toàn cầu - HIV/AIDS - Đạo đức trong thực hành YHDP & YTCC		1/1	Sức khỏe toàn cầu Dịch tễ Y đức – xã hội học	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
8	EPID01	Dịch tễ 1		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 85tiết/ thực hành: 30tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản		2/0	BM Dân số		lý thuyết: 30tiết
11	STAB00	Thống kê y sinh học		3/2	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
12	OCCU01	Sức khỏe nghề nghiệp 1		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
13	RESE00	NCKH		3/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15/9**	**11,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng sinh viên:** 78
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (23-26)
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	FAMI00	Y học gia đình	3/1		BM Y học gia đình	10/08/2024- 12/01/2025	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 90tiết
2	NEUR00	Thần kinh	1/3		BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	MENT00	Tâm thần	1/2		BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	TRAM00	Y học cổ truyền	1/3		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	REPH00	Phục hồi chức năng	1/1		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	TUBL00	Lao	1/3		BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
7	INFD00	Truyền nhiễm	2/3		BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
8	DENT00	Răng hàm mặt		0,5/1,5	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
9	ORLA00	Tai mũi họng		0,5/1,5	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	EYE00	Mắt		0,5/1,5	BM Mắt		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	DERM00	Da liễu		0,5/1,5	BM Da liễu		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	ONCO00	Ung thư		0,5/1,5	BM Ung thư		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	ALLE00	Dị ứng -MD lâm sàng		0,5/1,5	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	EPID02	Dịch tễ 2		4/3	BM Dịch tễ		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 135tiết
15	HEDU02	Giáo dục sức khỏe 2		2/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
		Tổng	**10/16**	**9/13**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

1 **Số lượng sinh viên:** 67

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 3 (19-21)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	COMM02	Thực tế cộng đồng 2	0/7		Viện ĐT YHDP&YTCC	10/08/2024- 12/01/2025	Cộng đồng: 8tuần
2	NUTR02	Dinh Dưỡng và ATTP2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 28tiết
3	OCCU02	Sức khoẻ nghề nghiệp 2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 32tiết
4	ENVI03	KHMT&SKMT 2 ,3	2,5/1,5		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 15tiết
5	ONEH00R	Tự chọn 2: One health/ Nghiên cứu định tính/ Đo lường sức khỏe	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 44tiết/ thực hành: 60tiết
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	INFD02	Truyền nhiễm 2		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	13/01/2025-29/6/2025	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
8	INFC00 PROJ00 SCHO00	Tự chọn 3: Kiểm soát NKBV/Phát triển dự án/ Sức khỏe trường học		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan		lâm sàng: 4tuần
10	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Thực hành nghiên cứu tự chọn		0/6	Các BM liên quan		
		Tổng	**9,5/15,5**	**2/13**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

1 **Số lượng SV dự kiến:** **50**

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6911/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	Từ 10/8/2024 đến 12/01/2025	lý thuyết: 45tiết
2	BIOP00	Lý sinh y học	1,5/0,5		BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
5	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
6	POEM00	Kinh tế chính trị		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 13/01/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 30tiết
7	POPU00	Dân số 1		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
8	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 20tiết
9	INFO00	Tin học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 32tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
11	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
13	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4		5/3,5	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
		Tổng	**12/2**	**14,5/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

1 **Số lượng sinh viên:** 48

1.1. Số lớp học tập: 1 (Y2YTCC)

1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 49+50)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6911/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	Từ 10/8/2024 đến 12/01/2025	thực hành: 45tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
3	OCCU01	Sức khỏe Nghề nghiệp1	1,5/0,5		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	ENVI0q	KHMT&SKMT1	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 12tiết
7	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
8	HEDU01	Giáo dục sức khỏe & NCSK1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản	2/0		BM Dân số		lý thuyết: 30tiết
10	PMAL00	CNXHKH		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	NUTR01	DD&ATTP1		1,5/0,5	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 20tiết
12	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh	Từ 13/01/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
13	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	ORGA00	Tổ chức Y tế		2/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 34tiết
15	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
16	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
17	MANH00	Quản lý Y tế		2/2	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
18	COMM01	Thực tế cộng đồng 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	Từ 4/8/2025 đến 11/8/2025	lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**11,5/5,5**	**14/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

1 **Số lượng sinh viên:** 41

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2 (tổ 41+42)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất	Từ 10/8/2024 đến 12/01/2025	lý thuyết: 15tiết
2	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
3	STAB00	Thống kê Y sinh học	3/2		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
4	DISC00	Các bệnh thông thường	2/1		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
5	AIDF00	Sơ cấp cứu	2/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	POPU02	Dân số học II	2/1		BM Dân số		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	GLOH00	Sức khỏe toàn cầu		2/1	BM Sức khỏe toàn cầu	Từ 13/01/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	ANSO00	Nhân học và xã hội học Y tế		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
9	REPH01	PHCN dựa vào cộng đồng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	EPID00	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	RESE01	NC khoa học I		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	RESE02	NC khoa học II		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	ECOH01	Kinh tế Y tế I		2/0	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30tiết
14	ECOH02	Kinh tế Y tế II		1/1	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15	HEDU02	GDSK&NCSKII		2/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**12/6**	**13/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

1 **Số lượng sinh viên:** 44

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 2 (39+40)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	Từ 10/8/2024 đến 12/01/2025	lý thuyết: 30tiết
2	CATA00	Phòng chống thảm họa	2/0		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 30tiết
3	EPID04	DTH ứng dụng trong YTCC	2/1		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 28tiết
4		Tự chọn 1: - One Health, - ĐLSK - NCĐT	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		
5		Tự chọn 2: - KSNK bệnh viện - Phát triển dự án - Sức khỏe trường học	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		
6	ENVI02	KHMT-SKMT 2	2/1		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết
7	OCCU02	Sức khỏe nghề nghiệp 2	2/1		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 30tiết
8	NUTR02	DD&ATTP 2	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 26tiết
9	THEC00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	Từ 13/01/2025 đến 29/6/2025	
10	POLH00	Chính sách y tế		1,5/0,5	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 22.5tiết
11	COMM02 COMM03	Thực tế cộng đồng 2, 3		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		lâm sàng: 5tuần
12	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 150tiết
13	INTC00	Chuyên đề LS/THNC tự chọn		0/6	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 90tiết
		Tổng	**13/6**	**3.5/18.5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 **Số lượng SV dự kiến:** 100

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 6912/QĐ-ĐHYHN ngày 30/12/2022 về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Dinh dưỡng

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 45tiết
2		Kinh tế chính trị	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
5	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
6	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học	Từ 13/1/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 20tiết
7	POPU00	Dân số học		2/0	BM Dân số và Sức khỏe sinh sản		lý thuyết: 30tiết
8	INFO00	Tin học		1/1	BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 32tiết
9	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
10	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3		7/1	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
		Tổng	**12,5/1,5**	**15,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh

email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** 87

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (45+46+47+48)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ III	2/0		BM Ngoại ngữ	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
3	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý Y học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
5	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	SKIL01	Kỹ năng giao tiếp trong THDD	1/1		BM Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	NUTB00	Dinh dưỡng cơ sở	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 30tiết
8	ENVI00	KHMT&SK môi trường	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 12tiết
9	HEDU00	GD& nâng cao sức khỏe	1/1		BM Giáo dục và nâng cao sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10		CNXHKH	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	SCIN00	Khoa học thực phẩm&DD	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 16tiết
12	NUTE00	Truyền thông và GD dinh dưỡng		1/1	BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 13/1/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 32tiết
13	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
15	ASSE00	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng		1/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	PATI00	Sinh lý bệnh – Miễn dịch		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
17	PHAR03	Thuốc và Thực phẩm		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 28tiết
18	NUTD00	môn tự chọn 1 (DD & các bệnh mãn tính không lây)		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 18tiết
19	NUTC01	DD cộng đồng& văn hóa XH		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
20	COMM00	Thực tế cộng đồng		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		Cộng đồng: 2tuần
		Tổng	**15/8**	**12,5/6,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh

email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** 64

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (37+38+39+40)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 45tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	STAB00	Thống kê Y sinh học	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM Phương pháp nghiên cứu và thống kê y sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
5	NUTS00	Dinh dưỡng học đường	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	NUTA00	Dinh dưỡng lứa tuổi	2/0		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36tiết
7	NUTI00	Can thiệp dinh dưỡng	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	SAFE00	An toàn vệ sinh thực phẩm	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9		Tự chọn II		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 13/1/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10	INTE00	Nội khoa		3/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 3tuần
11	SURG00	Ngoại khoa		2/2	BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
12	PEDI00	Nhi khoa		2/2	BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	RESU00	Hồi sức cấp cứu		2/1	BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
		Tổng	**12/5**	**11/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh

email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** 62

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4 (tổ 35+36+37+38)

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý Y học	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 30tiết
2	NUTT01	Dinh dưỡng điều trị 1	3/3		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 46tiết/ thực hành: 92tiết
3	NUTT02	Dinh dưỡng điều trị 2	3/2		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 100tiết
4	COOK00	Kỹ thuật chế biến thức ăn	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 32tiết
5	DIET01	Tư vấn dinh dưỡng tiết chế	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 44tiết
6	THEC00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	Từ 13/1/2025 đến 29/6/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 180tiết
8	INTC00	Chuyên đề LS/THNC tự chọn		6/0	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 90tiết
		Tổng	**9/7**	**8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI VĂN BẰNG 2
HỆ BS Y HỌC DỰ PHÒNG KHOÁ 9

1 **Số lượng sinh viên:** 18
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 1

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NUTR02	Dinh dưỡng và ATTP 2	2/2		BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025	lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 60tiết
2	OCCU02	Sức khỏe nghề nghiệp 2	2/2		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 45tiết
3	ENVI03	KHMT&SKMT 2 ,3	2,5/1,5		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 15tiết
4	INFD02	Truyền nhiễm 2	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
5	ONEH00R	Tự chọn 2: One health/ Nghiên cứu định tính/ Đo lường sức khỏe	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 44tiết/ thực hành: 60tiết
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	COMM02	Thực địa cộng đồng 2,3	0/7		Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 210tiết
8	INFC00 PROJ00 SCHO00	Tự chọn 3: Kiểm soát NKBV/Phát triển dự án/ Sức khỏe		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	Từ 13/1/2025 đến 29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan		
10	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Thực hành nghiên cứu tự chọn		0/6	Các BM liên quan		
		Tổng	**10,5/16,5**	**1/12**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC

1 Số lượng SV dự kiến: **60**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **3**
2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)
3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYL00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	19/8/2024 - 12/01/2025	lý thuyết: 45tiết
2	LANG01	Tiếng anh 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
3	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
4	1. - 2.SCHO00 3.	Tự chọn 1 trong 3: 1. Tâm lý học kinh tế 2. Sức khỏe trường học 3. PPNC định tính	1/1		1. BM KTYT 2. BM SKMT 3. BM Dân số&SKSS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
5		Tâm lý học đại cương	3/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 45tiết
6		Cơ sở văn hóa Việt Nam	1.5/0.5		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 22.5tiết/ thực hành: 7.5tiết
7		Đại cương về công tác xã hội	2/0		BM Y đức và Tâm lý y học		lý thuyết: 30tiết
8		Nhân học và xã hội học sức khỏe	2/0		BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
9	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học	13/01/2025 - 29/06/2025	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
10	LANG02	Tiếng anh 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
11		Sức khỏe lứa tuổi		1.5/0.5	BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 22.5tiết/ thực hành: 7.5tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
13		Khoa học não bộ và hành vi		1.5/0.5	BM Tâm thần		lý thuyết: 22.5tiết/ thực hành: 7.5tiết
14	MILI00	Giáo dục quốc phòng-an ninh		6/2.5	BM Giáo dục quốc phòng-an ninh		lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 37.5tiết
15	INFO00	Tin học đại cương		1/1	BM PPNC&TKYS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**17.5/1.5**	**14/7.5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Bùi Thị Bích Phương
Email: buibichphuong@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng SV dự kiến:** **120**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y1RHM)**

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FOOR00	Định hướng & sinh hoạt đầu khoá	1,5/0,5		Phòng công tác HSSV, Thư viện, Hành chính	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 22,5tiết
2	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào	5,5/1,5		BM Hoá học, Hoá sinh, Sinh học		lý thuyết: 82,5tiết/ thực hành: 45tiết
3	HAPH00	Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người	3/0,5		BM GP, Mô phôi, Sinh lý, Miễn dịch		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
4	PLMA00	Cơ sở vật lý của các hoạt động sống & ứng dụng trong y học	4/1		BM Y vật lý, Y học hạt nhân		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL01	Tiếng Anh I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	PHYL00	Triết học Mác Lênin		3/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
7	HOSY00	Các hệ cơ quan		6,5/1,5	BM Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, sinh lý bệnh	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 97,5tiết/ thực hành: 45tiết
8	PHAR00	Đại cương về Dược lý học		1,5/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	SMIS00	Các vấn đề y tế và xã hội học		2/1	BM Nha cộng đồng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
10	FEDU01	Giáo dục thể chất 1+2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 90tiết
11	ENGL02	Tiếng Anh II		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	**17/3,5**	**16/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm
Email: thanhlam@hmu.edu.vn 0902244142

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** 99

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 19->22)**

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FODE01	Khoa học nha khoa	3/1		BM Nha cơ sở	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
2	DEPR01	Thực hành nha khoa 1	3/3		BM Nha cơ sở		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 135tiết
3	BESC00	Khoa học hành vi	1,5/1		BM Răng trẻ em		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 45tiết
4	FODE00	Nha khoa cơ sở	4/1		BM Nha cơ sở		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL03	Tiếng Anh III		1/0	BM Ngoại ngữ	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
6	FEDU02	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 45tiết
7	DEPR02	Thực hành nha khoa 2		3/3	BM Nha cơ sở		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 135tiết
8	PPDE01	PPD 1 - Tâm lý ĐĐ trong nha khoa		1/0,5	BM Răng trẻ em		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 22,5tiết
9	PPDE02	PPD2 - Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời		1,5/1	BM Răng trẻ em		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 45tiết
10	POEM00	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**11,5/6**	**10,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm
Email: thanhlam@hmu.edu.vn 0902244142

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **102**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 19->22)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MIED00	Giáo dục quốc phòng	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 112,5tiết
2	CPHA00	Dược lý học lâm sàng	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
3	ENGL04	Tiếng Anh IV	1/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 15tiết
4	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
5	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
6	DEPR03	Thực hành nha khoa 3	2/3		Module Thực hành nha khoa		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 135tiết
7	PEDU04	Giáo dục thể chất 4	1/0		Module Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
8	COHE01	Nha cộng đồng 1		2/2	BM Nha cộng đồng	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
9	CELE00	Tự chọn: Pháp nha /Ghi hình trong nha khoa		1/1	Module tự chọn		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
10	STAL00	Nhà nước & Pháp luật		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
11	INTE00	Tin học Đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	DEPR04	Thực hành nha khoa 4		2/3	Module Thực hành nha khoa		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 135tiết
13	OUTP00	Thực tế cộng đồng		1/1	Module Thực tế cộng đồng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
		Tổng	**16/5,5**	**8,5/7,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My
Email: nguyentramy@hmu.edu.vn 0983654186

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **79**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y4RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 19->22)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ENGL05	Tiếng Anh 5	1/0		BM Ngoại ngữ	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
2	ODSC00	Bệnh lý miệng 1	1/2		Module Bệnh lý miệng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
3	RDEN01	Nha khoa phục hồi 1	2/4		Module Nha khoa phục hồi		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 180tiết
4	OMFS01	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 1	3/4		Module Phẫu thuật miệng - Hàm mặt		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 180tiết
5	RDEN02	Nha khoa phục hồi 2		2/4	Module Nha khoa phục hồi	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 180tiết
6	HUDI00	Bệnh học người		7,5/3,5	Module Bệnh học người		lý thuyết: 112,5tiết/ thực hành: 157,5tiết
		Tổng	**7/10**	**9,5/7,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.**

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My

Email: nguyentramy@hmu.edu.vn 0983654186

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** 80
1.1. Số lớp học tập: 1 (Y5RHM)
1.2. Số tổ học tập: 04 (Tổ 19->22)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ENGL06	Tiếng Anh 6	1/0		BM Ngoại ngữ	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
2	ODSC02	Bệnh lý miệng 2	1/2		Module Bệnh lý miệng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
3	RDEN03	Nha khoa phục hồi 3	0/4		Module Nha khoa phục hồi		thực hành: 180tiết
4	PEDE01	Răng trẻ em 1	1/2		Module RTE&CN		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
5	PPDE03	Phát triển bản thân & tính chuyên nghiệp: nghiên cứu khoa học	2/1		Module PPD		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
6	ORTH01	Chỉnh nha 1		1/2	Module RTE&CN	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
7	OMFS02	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 2		2/2	Module Phẫu thuật miệng - Hàm mặt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
8	COHE02	Nha cộng đồng 2		2/2	Module Nha cộng đồng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
9	CCDE01	Chăm sóc nha khoa toàn diện 1		2/2	Module chăm sóc nha khoa toàn diện		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
		Tổng	**5/9**	**7/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng
Email: minhhang@hmu.edu.vn 0904318104

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **83**
1.1. Số lớp học tập: **1 (Y6RHM)**
1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 22->25)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số 3243/QĐ-ĐHYHN ngày 29/07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (Cập nhật chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PEDE02	Răng trẻ em 2	1/2		Module RTE&CN	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
2	ORTH02	Chỉnh nha 02	1/2		Module RTE&CN		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
3	OMFS03	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 3	2/2		Module Phẫu thuật miệng - Hàm mặt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
4	CCDE02	Chăm sóc nha khoa toàn diện 2	1/1		Module chăm sóc nha khoa toàn diện		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
5	CCDE03	Chăm sóc nha khoa toàn diện 3	0/2		Module chăm sóc nha khoa toàn diện		thực hành: 90tiết
6	PPDE04	Phát triển bản thân & tinh chuyên nghiệp: tổ chức sự kiện-công nghệ và quản trị		1/1	Module PPD	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
7	CLFE00	Tốt nghiệp lâm sàng		0/5	Các BM liên quan		thực hành: 225tiết
8	THFE00	Tốt nghiệp lý thuyết/bảo vệ khóa luận		6/0	Các BM liên quan		lý thuyết: 90tiết
		Tổng	**5/9**	**7/6**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng

Email: minhhang@hmu.edu.vn 0904318104

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐT RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** **50**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y1KTPHR)**

1.2. Số tổ học tập: 4

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 1090/QĐ-ĐHYHN ngày 15/04/2024 về việc ban hành khung chương trình đào tạo Kỹ thuật phục hình răng trình độ đại học năm 2024

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FOOR00	Định hướng & sinh hoạt đầu khoá	1/1		Phòng công tác HSSV, Thư viện, Hành chính	12/8/2024-12/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
2	ENGL01	Tiếng Anh I	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
3	PHYL00	Triết học Mác Lênin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	ANAG00	Giải phẫu và Di truyền	4/2		BM Giải phẫu & BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 60tiết
5	MIED00	Giáo dục quốc phòng	6,5/2		BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 97,5tiết/ thực hành: 60tiết
6	PEDU00	Giáo dục thể chất 1+2		0/2	BM Giáo dục thể chất	13/01/2025-29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	thực hành: 60tiết
7	ENGL02	Tiếng Anh II		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
8	POEM00	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào		5/1	BM Hoá sinh, Sinh lý, Hoá học		lý thuyết: 75tiết/ thực hành: 30tiết
10	MICA00	Vi sinh và thuốc sát trùng		1/1	MD Vi sinh và thuốc sát trùng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	ICLS00	Kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn trong lao động		1/1	MD KSNK & AT trong LĐ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	INTE00	Tin học cơ bản		1/1	BM Toán- Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**16,5/5**	**12/6**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đinh Thanh Thuỷ

Email: dinhthanhthuy@hmu.edu.vn 0359034858

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **Dự kiến 120SV**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 01→04)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	16/09/2024- 26/01/2025	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
2	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
3	S1.1	Module S1.1: Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		- CTSV+KTX+ Y tế -QLĐT + KT&ĐBCLGD - Đoàn thanh niên		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
4	S1.2	Module S1.2: Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	S1.3	Module S1.3: Mô và phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	S1.4	Module S1.4: Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và nguyên lý của một số kỹ thuật ứng dụng trong y học		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình ảnh - Y học hạt nhân	10/02/2025 - 6/7/2025	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5: Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh - miễn dịch		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6: Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu - Y học hạt nhân - Khoa YHCT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7: Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi liên quan đến sức khỏe		2,5/1;5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
12	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**16,5/6,5**	**13,5/4**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

GV khối: Nguyễn Thị Nga
Email: nganguyen@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: 118

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Triết học Mác -Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị	19/8/2024-05/01/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết 45 tiết
2		Kinh tế chính trị	2/0/0		Lý luận chính trị		Lý thuyết 30 tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	3/0/0		Ngoại ngữ		Lý thuyết 45 tiết
4	S2.1	Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2/0		GDYH-KNTLS, Tâm lý-Y đức, YHGĐ, Nhóm PPD, Nội, Ngoại, SLB - MD, Lão khoa, Y SH-DT, TM, Nhi, HSCC, Khoa ĐD-HS, CĐHA, SKNN, Dịch tễ		Lý thuyết 45 tiết/ Thực hành 60 tiết
5	S2.2	Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3/0,5/0		Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		Lý thuyết 45 tiết/ Thực hành 15 tiết
6	S2.3	Module S2.3: Huyết học	2/0,5/0,5		Mô phôi, Huyết học, Sinh lý, YSH-DT, Hóa sinh, Dược lý, CĐHA, Nhi		Lý thuyết 30 tiết/ Thực hành 15 tiết/ Lâm sàng 15 tiết
7	STAP00	Xác suất thống kê		1/1/0	Toán - Tin	06/01/2025-06/07/2025 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	Lý thuyết 15 tiết/ Thực hành 30 tiết
8	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Giáo dục thể chất		/ Thực hành 30 tiết
9	S2.4	Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		Lý thuyết 45 tiết/ Thực hành 30 tiết/ Lâm sàng 15 tiết
10	S2.5	Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Tim mạch, Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý, GPB, Vi sinh, Mô phôi, Nhi, Hóa sinh, SLB-MD, CĐHA, YHGĐ, Ngoại		Lý thuyết 60 tiết/ Thực hành 15 tiết/ Lâm sàng 15 tiết
11	S2.6	Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Giải phẫu, Sinh lý, CĐHA, Nội, Ngoại, YHDP, Mô phôi, SLB-MD, Dược lý, GPB, Truyền nhiễm, TMH, Lao, Vi sinh		Lý thuyết 60 tiết/ Thực hành 30 tiết/ Lâm sàng 15 tiết
12	OSCE1	Kỹ năng y khoa 1		0/2/0	Các BM liên quan		Thực hành: 60tiết
		Tổng	**16/3/0,5**	**12/6,5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đào Thị Tuyết Mai
Email:daotuyetmai@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: 116

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.7	Module S2.7 - Tiêu hóa - Dinh dưỡng	4,5/1,5/0,5		Nội, Ngoại, Mô phôi, Nhi, Truyền nhiễm, CĐHA, Giải phẫu, Hóa sinh, Dược lý, Sinh lý, Vi sinh, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, Dinh dưỡng	Từ 19/08/2024 đến 05/1/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 66 tiết/ thực hành 40 tiết/ lâm sàng 24 tiết
2	S2.8	Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1		Thần kinh, Tâm thần, Ngoại, CĐHA, Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, Nhi, Sinh lý, Ký sinh trùng, Lão khoa, Mắt, Giáo dục sức khỏe, Tâm lý		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 16 tiết/ lâm sàng 38 tiết
3	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1/0		BM Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 36 tiết
4	RESE01	Nghiên cứu khoa học 1	1/1/0		BM Thống kê y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
5		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	BM Lý luận chính trị	Từ 06/1/2025 đến 23/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
7	S2.9	Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa		4/0,5/0,5	Nội, Nhi, Giải phẫu bệnh, Y học hạt nhân, Di truyền, Hóa sinh, Sinh lý học, CĐHA, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Dược lý, Mô phôi		lý thuyết 56 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 26 tiết
8	S2.10	Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5	Nội, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, SLB-MD, Vi sinh, Dược lý, CĐHA, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, YHHN		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 10 tiết/ lâm sàng 24 tiết
9	S2.11	Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5	Phụ sản, YSH-DT, Dược lý, SLB-MD, Vi sinh, Mô phôi, Giải phẫu, Hóa sinh, CĐHA, Sinh lý học, Giải phẫu bệnh, Ngoại		lý thuyết 42 tiết/ thực hành 28 tiết/ lâm sàng 14 tiết
10	RESE02	Nghiên cứu khoa học 2		1/1/0	BM Thống kê y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
11	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết 15 tiết
12		Kỹ năng y khoa 2		0/2/0	Các bộ môn liên quan		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	**13,5/4/1,5**	**16/5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Như Ngọc
Email: nhungocyhn@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: 121

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HP	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024 đến 12/1/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
2	S3.2	Nội khoa II	3/0/5		Mô-đun (BM Nội TH)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
3	S3.3	Ngoại khoa I	2,5/0,5/5		Mô-đun (BM Ngoại)		lý thuyết 36 tiết/ thực hành 8 tiết/ lâm sàng 150 tiết
4	HP	Y pháp		2/0/0	BM Y pháp	Từ 13/1/2025 đến 06/7/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
5	S3.1	Nội khoa I		3/0/5	Mô-đun (BM Nội TH)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
6	S3.4	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản I		3/0/5	Mô-đun (BM Phụ Sản)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
7	S3.5	Nhi khoa I		3/0/5	Mô-đun (BM Nhi)		lý thuyết 45 tiết/ lâm sàng 150 tiết
		Tổng	7,5/0,5/10	11/0/15			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** 104
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 (từ 01 đến 04)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.6	Hồi sức cấp cứu và gây mê hồi sức	2/3		HSCC+GMHS	Từ 19/08/2024 - 29/09/2024	
2	RESE03	Nghiên cứu khoa học 3	1/1		Module Nghiên cứu khoa học	Từ 30/10/2024 - 13/10/2024	
3	S3.7	Ung bướu và chăm sóc giảm nhẹ		2/2	Ung thư	Quay vòng 2 môn x 4 tuần/môn x 52 SV/môn Từ 24/02/2025 - 20/04/2025	
4	S3.8	Sức khỏe tâm thần		2/2	Tâm thần		
5	S3.9	Y học cổ truyền		2/2	Khoa YHCT	Quay vòng 2 môn x 4 tuần/môn x 52 SV/môn Từ 21/04/2025 - 15/06/2025	
6	S3.10	Truyền nhiễm		2/2	Truyền nhiễm		
7	S3.11	Chăm sóc sức khỏe ban đầu I (Tuyến quận/huyện)	4/4		Y học gia đình	Từ 14/10/2024 - 08/12/2024	
8	S3.12.1	Phục hồi chức năng		1/1	Phục hồi chức năng	Tự chọn 4/8 môn theo nhóm, đi 2 tuần/môn x 52 SV/môn Từ 16/12/2024 - 23/02/2025	
9	S3.12.1	Lao		1/1	Lao		
10	S3.12.2	Dị ứng - Miễn dịch LS		1/1	Dị ứng - Miễn dịch LS		
11	S3.12.2	Da liễu		1/1	Da liễu		
12	S3.12.3	Mắt		1/1	Mắt		
13	S3.12.3	Tai mũi họng		1/1	Tai mũi họng		
14	S3.12.4	Răng hàm mặt		1/1	Răng hàm mặt		
15	S3.12.4	Phẫu thuật tạo hình thẩm mĩ		1/1	Phẫu thuật tạo hình		
		Tổng	**7/8**	**16/16**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trịnh Thị Hồng Nhung
email: trinhthihongnhung@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** 112
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4 từ 01 - 04

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 3982/QĐ-ĐHYHN, ngày 26/8/2019 về việc ban hành Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S3.13	Nội khoa 3	3/4		BM Nội tổng hợp	Từ 19/08/2024 - 13/04/2025 theo lịch chạy	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
2	S3.14	Ngoại khoa 2	3/4		BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
3	S3.15	Sức khỏe phụ nữ - Sinh sản 2	2/2		BM Phụ sản		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
4	S3.16	Nhi khoa 2	2/2		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
5	S3.17	Chăm sóc sức khỏe ban đầu 2	0/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	OSCE3	Thực tế tốt nghiệp		/5	Các BM liên quan	Từ 28/04/2025 - 25/05/2025	lâm sàng: 4tuần
7	GRA	Lý thuyết tổng hợp/ Khóa luận		6/0	Các BM liên quan	Từ 02/06/2025 - 15/06/2025	
		Tổng	**10/14**	**6/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Hoàng Ngọc Thành
email: hoangthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng SV dự kiến:** **80**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S1.1	Định hướng đầu khóa	1,5/0,5/0		CTSV+KTX+Y tế QLĐT+KT&ĐBCLGD Đoàn thanh niên	16/09/2024 đến 29/09/2024	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
2	HSC1	Giới thiệu hệ thống Y tế và ngành nghề	4/0/0		Các Bộ môn liên quan	30/10/2024 đến 24/11/2024	lý thuyết: 60tiết
3	HSC2.1	Nguyên tử, phân tử, tế bào	3/1/0		Các Bộ môn liên quan	30/10/2024 đến 24/11/2024	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
4	BSC.13.1	Giáo dục thể chất	0/2/0		Bộ môn Giáo dục thể chất	25/11/2024 đến 08/12/2024	thực hành. 60tiết
5	BSC.11.1	Tiếng Anh 1	2/0/0		Bộ môn Ngoại ngữ	09/12/2024 đến 22/12/2024	lý thuyết: 30tiết
6	BSC.14.1	Triết học Mác - Lênin	3/0/0		Bộ môn Lý luận chính trị	23/12/2024 đến 29/12/2024	lý thuyết: 45tiết
7	HSC 2.2	Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	4,5/0,5/0		Các Bộ môn liên quan	30/01/2025 đến 16/02/2025	lý thuyết: 67,5tiết/ thực hành: 15tiết
8	BSC 12	Tin học cơ bản		1/1/0	Bộ môn Toán - Tin	17/02/2025 đến 02/03/2025	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	HSC 2.3	Một số vấn đề cơ sở		1,5/0,5/0	Các Bộ môn liên quan	03/03/2025 đến 23/03/2025	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
10	BSC 11.2	Tiếng Anh 1		2/0/0	Bộ môn Ngoại ngữ	24/03/2025 đến 06/04/2025	lý thuyết: 30tiết
11	HSC 4.1	Giao tiếp và Giáo dục sức khỏe trong Thực hành Điều dưỡng		4/1/0	Các Bộ môn liên quan	07/04/2025 đến 18/05/2025	lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
12	HSC 4.2	Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1		3/2/2	Các Bộ môn liên quan	19/05/2025 đến 13/07/2025	lý thuyết 45 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 90 tiết
		Tổng	**18/4/0**	**11,5/4,5/2**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

GV khối: Lê Minh Quang
Email: leminhquang@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **57**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HSC-4.3	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	3,5/2,5/4		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	19/08/2024 đến 10/11/2024	lý thuyết 52,5 tiết/ thực hành 75 tiết/ lâm sàng 180 tiết
2	NUR-5.1	Module 5.1: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1 (Hô hấp, tuần hoàn, nội tiết, huyết học)	4,5/0,5/6		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	11/11/2024 đến 16/02/2025	lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 270 tiết
3	BSC-13.3	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	BM Giáo dục thể chất	25/11/2024 đến 08/12/2024	thực hành: 30tiết
4	NUR-5.2	Module 5.2: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2 (tiêu hóa, tiết niệu, cxk,thần kinh)		4,5/0,5/7	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	31/04/2025 đến 06/07/2025	lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 315 tiết
5	BSC-11.3.	Tiếng Anh 2		2/0/0	BM Ngoại ngữ	17/2/2025 đến 02/3/2025	lý thuyết 30 tiết
6	BSC-10	Giáo dục quốc phòng 1+2		5//0	BM Giáo dục quốc phòng	03/03/2025 đến 30/04/2025	lý thuyết 75 tiết
		Tổng	**8/3/10**	**11,5/1,5/7**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Kim Oanh

Email: nguyenthikimoanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **58**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 05→08)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BSC - 11.4	Tiếng Anh 2	2/0/0		Bộ môn Ngoại ngữ	19/08/2024 đến 01/09/2024	lý thuyết 30 tiết
2	Nur 6.1	Điều dưỡng Sản phụ khoa	1,5/0,5/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	02/09/2024 đến 20/10/2024	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
3	BSC - 14.2	Kinh tế chính trị	2/0/0		Bộ môn Lý luận chính trị	21/10/2024 đến 03/11/2024	lý thuyết: 30tiết
4	Nur 6.2	Điều dưỡng trẻ em	1,5/0,5/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	04/11/2024 đến 22/12/2024	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
5	BSC - 14.3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2/0/0		Bộ môn Lý luận chính trị	23/12/2024 đến 05/01/2025	lý thuyết 30 tiết
6	HSC - 3	Quản lý Điều dưỡng	1/1/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	06/01/2025 đến 09/02/2025	lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	BSC - 14.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0/0	Bộ môn Lý luận chính trị	10/02/2025 đến 23/02/2025	lý thuyết 30 tiết
8	Nur 6.3	Điều dưỡng Truyền nhiễm		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	24/02/2025 đến 06/04/2025	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
9	Nur 6.4	Điều dưỡng cấp cứu hồi sức tích cực		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	07/04/2025 đến 18/05/2025	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
10	Nur 6.7	Điều dưỡng cộng đồng		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	19/05/2025 đến 22/06/2025	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	**10/2/6**	**5/0/9**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

GV khối: Lê Minh Quang
Email: leminhquang@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **71**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y4 ĐD)**

1.2. Số tổ học tập: **4 (tổ 5,6,7,8)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BSC-14.5	Lịch sử Đảng CSVN	2/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 19/8/2024-05/01/2025	lý thuyết: 30tiết
2	NUR-6.5	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Dinh dưỡng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	NUR-6.6	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	NUR-6.8	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	NUR06.9	Điều dưỡng trong Y học cổ truyền	1/0/1		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	BSC-13.3	Y học thể thao	0/1/0		BM Giáo dục thể chất		
7	NUR-7.1	ĐD CS giảm nhẹ (*)		1/0/2	- BM Ung thư - Khoa ĐD-HS	Từ 06/01/2025 đến 25/05/2024)	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
8	NUR-7.2	ĐD hồi tỉnh sau phẫu thuật (*)		1/0/2	- BM Gây mê hồi sức - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
9	NUR-7.3	ĐD sơ sinh (*)		1/0/2	- BM Y sinh học DT - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	NUR-7.4	ĐD Tai mũi họng (*)		1/0/2	- BM Tai mũi họng - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
11	NUR-7.5	ĐD gia đình (*)		1/0/2	- Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
12	NUR-8	Chuyên đề nghiên cứu		1/1/0	- BM Toán tin - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	NUR-9	Thực tế và thi tốt nghiệp		0/0/6	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**6/1/10**	**6/1/16**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thu Hà
email: thuha@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN KTPHCN (TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** 70
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Triết học Mác-Lê Nin	3/0/0		Lý luận chính trị	Từ 16/9/2024 đến 16/02/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 45 tiết
2		Lý sinh y học	1,5/0,5/0		Y vật lý		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
3		Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
4		Tiếng Anh 1	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
5		Tin học cơ bản	1/1/0		Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
6		Y sinh học và di truyền	1/0,5/0		Y sinh học - Di truyền		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
7		Giáo dục quốc phòng	6/2,5/0		Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
8		Tâm lý - Đạo đức y học		1,5/0,5/0	Y đức và Tâm lý học	Từ 17/02/2025 đến 29/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
9		Kinh tế chính trị Mác-LêNin		2/0/0	Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
10		Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0/0	Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
11		Hóa sinh		1/1/0	Hóa sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
12		Tiếng Anh 2		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
13		Xác suất - Thống kê y học		2/0/0	Toán - Tin		lý thuyết 30 tiết
14		Sinh lý học		2/1/0	Sinh lý		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
15		Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu		1/1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
16		Giáo dục thể chất 1, 2		0/2/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
		Tổng	**17,5/5,5/0**	**13,5/5,5/0**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN KTXNYH
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: 70

1.1. Số lớp học tập: 1

1.2. Số tổ học tập: 4

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PPHYE12	Giáo dục thể chất 1,2	0/2/0		Giáo dục thể chất	Từ 16/9/2024 đến 09/02/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	/ thực hành 60 tiết
2	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
3	ANAT00	Giải phẫu	2/1/0		Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
4	PHYL00	Triết học Mác - Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
5	CHEM00	Hóa học	1,5/0,5/0		Hóa học		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
6		An toàn Phòng xét nghiệm	1/1/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7	LABB00	Xét nghiệm cơ bản	2/2/0		Khoa Kỹ thuật Y học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 60 tiết
8	GENB03	Sinh học và Di truyền	2,5/0,5/0		Y sinh học Di truyền	Từ 10/02/2025 đến 08/6/2025 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 37,5 tiết/ thực hành 15 tiết
9	POEM00	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2/0/0	Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
10	BIOP00	Lý sinh Y học		1,5/0,5/0	Y Vật lý		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0/0	Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
12	HIEM00	Mô học		1/1/0	Mô phôi		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
13	PHYS00	Sinh lý học		2/1/0	Sinh lý học		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
14	INFO00	Tin học đại cương		1/1/0	Toán tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 15 tiết
15	NILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4		6/2,5/0	Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 90 tiết/ thực hành 75 tiết
		Tổng	**15/7/0**	**15,5/6/0**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thị Duyên

Email: lethiduyen@hmu.edu.vn